

VỀ DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH VÀ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI MẤY THẬP KỶ QUÁ Ở XỨ ĐẠO BÍCH HÒA (MỘT VÀI KIẾN NGHỊ)

DẶNG XUÂN THẢO

Sau Hiệp ước Thiên Tân năm 1885, địa hạt Thanh Oai tỉnh Hà Đông cũ là một trong những vùng thuộc đồng bằng Bắc Bộ được các giáo sĩ người Pháp chọn làm nơi truyền đạo.

Cuối thế kỷ XIX, 6 xứ đạo ở đây đã ra đời, trong đó có Bích Hòa, chiếm một nửa giáo dân của Thanh Oai và hai phần ba dân số của xã; trong ban lãnh đạo của xã luôn có "bên đạo bên đời" nhưng nếu không được giới thiệu thì khó mà nhận ra có sự xen kẽ này. Mối quan hệ hữu ái trong cộng đồng giáo - lương ở đây đã có lâu đời. Truyền thống tốt đẹp đó càng được củng cố và nâng cao sau ngày Hồ Chủ tịch về thăm (2-12-1959). Những lời dạy bảo của Người về việc giáo dân phải kính Chúa yêu nước, đoàn kết giáo lương xây dựng quê hương ấm no, hạnh phúc mãi mãi còn khắc sâu trong trái tim nhân dân địa phương.

Ở bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích quá trình phát triển dân số và phát triển kinh tế mà chủ yếu là về đời sống vật chất và đời sống văn hóa - tinh thần của nhân dân xã Bích Hòa nói chung, của đồng bào công giáo nói riêng. Từ đó nghiên cứu sự tác động qua lại và ảnh hưởng tốt xấu giữa hai yếu tố trên ra sao, cũng tức là xem xét qua thực tế chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình hiện nay đã được nông dân ở đây tiếp nhận như thế nào.

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ

Kết quả tính toán ở Bảng 1 - được xây dựng theo các số liệu thống kê của xã, của

huyện và qua các lần Tổng điều tra dân số gần đây cho thấy so với sự "bùng nổ dân số" của miền Bắc sau cuộc kháng chiến lần thứ nhất (1954 - 1960) thì tỷ lệ chung của Bích Hòa là xấp xỉ, nhưng nếu tính riêng đồng bào công giáo thì tỷ lệ gia tăng không chỉ cao hơn so với cộng đồng dân cư mà sự "bùng nổ" còn mạnh hơn so với cả nước: 5,08% - 3,93%; hai giai đoạn sau đó, tuy không đáng kể nhưng tỷ lệ gia tăng dân số của đồng bào công giáo thường cao hơn so với dân cư trong xã.

Bảng 1: Dân số và tỷ lệ gia tăng của các giai đoạn từ 1954 đến 1992 ở xã Bích Hòa

Năm/giai đoạn	Toàn xã	Trong đó, công giáo	Ghi chú
1954	2440(a)	1498(c)	Đã trừ 754 người đi di cư 1954(a+c)
1960	2026(b)	1952(a)	
Tỷ lệ phát triển giai đoạn 1954 - 1960	3,70%	5,08%	
1989	6033(b)	4025(a)	
Tỷ lệ phát triển giai đoạn 1960 - 1989	2,50%	2,54%	
1992	6531(a)	4360(a)	
Tỷ lệ phát triển giai đoạn 1989 - 1992	2,67%	2,70%	

(a): Số liệu của xã; (c): Tổng điều tra dân số
(b): Số liệu của huyện; (a+c): của cả xã và huyện

Các số liệu điều tra khác cho biết thêm trong vòng 5 năm, từ 1984 - 1989, cứ 100 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ ở Bích Hòa (16-49) có 63 con, trong khi con số chung của Thanh Oai là 61,5, của cả nước là 56; số con trung bình của một phụ nữ Bích Hòa là 4,33, cả nước là 4; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên năm 1992 là 30,06%.

Có thể nói Bích Hòa có tỷ lệ phát triển dân số vào loại cao so với chỉ tiêu đề ra, tỷ lệ đó lại đang có chiều hướng tăng lên trong vài năm gần đây (giai đoạn 1989 - 1992 cao hơn trước đó: 2,70% - 2,67% so với 2,54% - 2,50%) đồng thời theo tính toán còn cho biết cứ với đà này thì dự báo vào năm 2000 dân số Bích Hòa sẽ vào khoảng 7.800 và năm 2025 sẽ lên tới 11.700.

II. MỘT VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

Bích Hòa là một xã thuần túy làm nông nghiệp, đồng đất sâu trũng lại bị nhiễm chua, phèn, chủ yếu chỉ cấy được 2 vụ nước một năm; những thửa ruộng có thể trồng xen ngô, khoai vào vụ đông rất ít; trồng rau màu không thích hợp, đang còn thí nghiệm chưa có kết quả.

Tổng diện tích đất đai là 513ha, đất canh tác là 349,2ha. Mật độ dân số tính theo đất đai và đất canh tác luôn cao hơn so với bình quân chung của Thanh Oai và đồng bằng sông Hồng (Bảng 2).

Bảng 2: Mật độ dân số ở Bích Hòa

	Mật độ dân số (Người/km ²)			
	Theo đất đai		Theo đất canh tác	
	1989	1992	1989	1992
Bích Hòa	1176	1273	1727	1870
Thanh Oai	1196	1248	1668	1798
Đồng bằng sông Hồng ⁽⁺⁾	784		1503	

(+) Dân số Việt Nam, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1992, biểu 1, tr.8.

1. Thu nhập và mức sống

Với những đặc điểm nói trên, xưa nay Bích Hòa luôn là một vùng quê, đất chật người đông. Ngoài trồng trọt và chăn nuôi, ngành nghề thủ công chỉ có thêu ren nhưng thu nhập vừa thấp lại vừa bấp bênh nên từ khi có cơ chế kinh tế mới, hợp tác xã thêu ren đã giải thể. Theo báo cáo của xã và hồi cố của người già, từ 1955 về trước toàn xã chỉ có 1,5% số gia đình giàu có là có nhà ngói sân gạch, còn hầu hết nhân dân cả giáo và lương hoặc phải cày thuê cuốc mướn cho các gia đình địa chủ phú nông, hoặc phiêu bạt khắp nơi để kiếm sống bằng bất cứ nghề gì; nạn đói năm 1945 đã cướp đi 200 sinh mạng trong đó có hai phần ba là giáo dân. Từ năm 1956 và nhất là từ 1960 trở đi nhờ hệ thống tưới tiêu được hình thành và ngày càng hoàn thiện, tiến bộ khoa học kỹ thuật từng bước được áp dụng, năng suất ngày càng cao, đặc biệt từ khi có "khoán 10" ngoại trừ khi bị thiên tai, trung bình mỗi ha 1 năm đạt 65 tạ, nhiều gấp 5 lần so với năm 1954 và 3,2 lần so với năm 1960.

Cùng với sự tăng trưởng trong kinh tế nông nghiệp, trên 50% số hộ đã kết hợp làm các loại dịch vụ sản xuất, buôn bán khác nhau. Kinh tế hàng hóa được khuyến khích đã bước đầu phát triển, mang lại nguồn thu nhập quan trọng cho các gia đình.

Chỉ trong vòng 3 - 4 năm, tính đến 9-1992, 20% số hộ trong xã có nhà mái bằng, trên 50% có nhà ngói sân gạch. Số hộ giàu - nghèo, theo điều phân loại của xã năm 1991, như sau:

- Giàu: 15%
- Khá: 35%
- Trung bình: 30%
- Nghèo: 20%

Trong số nghèo, có 18 hộ phải trợ cấp (17 hộ công giáo), bằng 1,15% số hộ toàn xã.

2. Về đời sống văn hóa - tinh thần

- Nhờ đời sống vật chất ngày càng khá

giả, nông dân ở đây ngoài việc xây dựng nhà cửa khang trang để "an cư lạc nghiệp" và mua sắm tiện nghi sinh hoạt, đi lại, còn tích cực đóng góp với cộng đồng để kiến thiết các cơ sở hạ tầng. Xã có điện từ 1986 (24/24 từ đầu 1992), có hệ thống truyền thanh nội bộ, trường học được xây dựng kiên cố, trạm xá khang trang, đường làng ngõ xóm được sửa sang nâng cấp (toàn gạch). Trên 70% số hộ có máy thu hình, xe máy, xe đạp, quạt điện, giường tủ, bàn ghế... Nhìn chung, nhân dân Bích Hòa có đầy đủ phương tiện để nắm bắt kịp thời các thông tin chính trị, kinh tế, văn học - nghệ thuật.

- Những năm gần đây, trong khi ở nhiều nơi khác, các hủ tục trong ma chay, cưới xin đã phục hồi đến mức báo động; mặt khác, chính Thanh Oai cũng là huyện có nhiều lễ hội nhất Hà Tây, song, Bích Hòa đã không bị cuốn hút vào "làn sóng" đó mà vẫn giữ được nếp sống riêng của địa phương mình: nam nữ được tự do tìm hiểu, bên đạo có thể lấy bên đời, không có thách cưới, thậm chí không cần lễ hỏi; tang lễ, cưới xin không ăn uống linh đình; một điều đáng lưu ý là chính quyền kết hợp với linh mục tuyên truyền công tác kế hoạch hóa gia đình. Phải ghi nhận đây là một vẻ đẹp mang tính truyền thống rất Bích Hòa.

III. MỘT VÀI KIẾN NGHỊ

Không thể phủ nhận dân số và sự phát triển đất nước luôn có mối quan hệ, tác động qua lại và ảnh hưởng trực tiếp lẫn nhau.

Tuy nhiên, mỗi quốc gia thậm chí từng vùng hoặc giữa miền xuôi và miền núi, nông thôn và thành thị đều có những đặc điểm riêng của nó. Cho nên, thiết nghĩ, chính sách dân số cũng cần được nghiên cứu cụ thể để ban hành sao cho phù hợp, nếu không lại rơi vào tình trạng quan liêu, áp đặt. Hơn nữa, đã là quốc sách thì trước khi ban hành cũng cần cho dân thảo luận, đóng góp ý kiến như nhiều chủ trương, chính sách quan trọng khác mà Đảng và Nhà nước ta đã làm từ khi đổi mới đến nay.

Qua khảo sát ở Bích Hòa cho thấy đúng là tỷ lệ phát triển dân số của giáo dân cũng như của toàn xã mấy thập kỷ qua thuộc loại cao so với chỉ tiêu đề ra và mấy năm gần đây lại còn cao hơn nữa. Song, về mặt kinh tế đầu phải không có sự tăng trưởng. Cả đời sống vật chất và tinh thần của người dân Bích Hòa đều đã được nâng cao như đã trình bày ở phần II. Sự trì trệ về kinh tế - xã hội trong những năm 60, 70 và đầu 80 chủ yếu là do cơ chế quản lý, chứ nguyên nhân chính chưa phải do tỷ lệ dân số phát triển cao.

Thực tế, vấn đề dân số - kế hoạch hóa gia đình ở Bích Hòa đã được tiến hành ráo riết, chính quyền và Nhà thờ đã phối hợp vận động giáo dân; các biện pháp xử phạt hành chính và thi hành kỷ luật nếu đối tượng vi phạm là cán bộ đảng viên đều đã được áp dụng, nhưng tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên vẫn luôn là mối lo hàng ngày của Đảng bộ và chính quyền xã.

Để tìm hiểu kỹ nguyên nhân, ngoài lãnh đạo xã, phỏng vấn 50 hộ gia đình về số con mong muốn cho kết quả 44/50 hộ trả lời là 3 con (88%). Họ còn cho biết thêm những người có tư tưởng "con đàn cháu đống" tuy chưa hết hẳn nhưng còn rất ít và đều thuộc lớn người già (không thuộc diện sinh đẻ). Một số không nhỏ vẫn có nguyện vọng 3 con. Cũng theo quan điểm của những người muốn 3 con, ý kiến còn được lý giải cặn kẽ rằng: Một mặt vì nhu cầu lao động, mặt khác - quan trọng hơn - Nhà nước chưa có chính sách gì bảo trợ người già ở nông thôn, cho nên khi ốm đau, lúc tuổi già họ hoàn toàn phải nhờ cậy vào con cái. Nông dân ở đây, giáo cũng như lương, cho biết họ chỉ sợ đói và sợ cảnh cô đơn chứ không sợ chưa giàu. Đây là một vấn đề cần đi sâu tìm hiểu để từ đó có thể rút ra những kết luận thỏa đáng.

Có lẽ đây không chỉ là chuyện riêng của đồng bào công giáo cũng như của nhân dân xã Bích Hòa.